

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 02 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP,
TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự

Ông Dương Hoàng Khải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trương Bảo Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 669/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. **Bị đơn:** Bà Đoàn Thị Mỹ C, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003 ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Mỹ C tự nguyện tổ chức lễ cưới, đến ngày 06/4/2004 ông, bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không còn tình cảm yêu thương với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã ly thân cho đến nay.

Về con chung: Ông H và bà C có 03 người con chung, tên Nguyễn Nhật H1 (Giới tính: Nam) sinh ngày 08/3/2004, cháu Nguyễn Thị Kim H2 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 25/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Kim H3 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 16/9/2012. Cháu H1 đã trưởng thành, còn cháu H2 và cháu H3 hiện đang sống chung với ông H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C. Con chung cháu Nguyễn Nhật H1 đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết; Còn cháu Nguyễn Thị Kim H2 và cháu Nguyễn Thị Kim H3 hiện đang sống với ông H nên ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H2 và cháu H3, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C đã được Tòa án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim H2 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 25/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Kim H3 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 16/9/201 ông H tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với Nguyễn Nhật H1 (Giới tính: Nam) sinh ngày 08/3/2004 hiện đã trưởng thành, ông H không yêu cầu nên không xem xét.

Ông H chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà C không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Đoàn Thị Mỹ C đều vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Mỹ C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào ngày 06/4/2004, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H: Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ông bà rất hạnh phúc và có con chung, đến đến năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không còn tình cảm yêu thương với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà đã ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa, ông H cương quyết yêu cầu ly hôn với bà C. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông H và bà C là trầm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông Nguyễn Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Đoàn Thị Mỹ C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà C có 03 con chung, cháu Nguyễn Nhật H1 (Giới tính: Nam) sinh ngày 08/3/2004, cháu Nguyễn Thị Kim H2 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 25/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Kim H3 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 16/9/2012. Cháu Nguyễn Nhật H1 hiện đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim H2 và cháu Nguyễn Thị Kim H3. Quá trình giải quyết vụ án bà Đoàn Thị Mỹ C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xem như bà Đoàn Thị Mỹ C từ bỏ quyền yêu cầu xin được nuôi con chung. Mặt khác, tại bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Kim H2 và cháu Nguyễn Thị Kim H3 có nguyện vọng xin được sống chung với cha (ông Nguyễn Văn H). Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Nguyễn Thị Kim H2 và cháu Nguyễn Thị Kim H3 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Kim H2 và cháu Nguyễn Thị Kim H3 cho ông Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Ông H chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà C không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Đoàn Thị Mỹ C đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi được lời khai của bà Đoàn Thị Mỹ C nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Mỹ C có hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung, nợ chung không giải

quyết, nếu sau này một trong hai bên có đơn khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim H2 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 25/01/2008 và cháu Nguyễn Thị Kim H3 (Giới tính: Nữ) sinh ngày 16/9/2012 cho ông Nguyễn Văn H nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Nhật H1 đã trưởng thành, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ông H chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Mỹ C thành vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), ông H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007329 phiếu lập ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Đoàn Thị Mỹ C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- UBND xã Long Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil